

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **408/2021/HC-PT**

Ngày: 27- 4 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực đất đai và quản lý đô thị.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Kim Phụng

Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/3/2021 và ngày 27/4/2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ
lý số 52/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết
định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai và quản lý đô thị*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9
năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 650/2021/QĐ-PT ngày
25/12/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2913/2021/QĐPT-HC ngày
23/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số
2914/2021/QĐ-PT ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: số 107/2 đường P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1972

2. Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 7-9 đường 65, phường T, Quận Y, Thành phố
Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền 11254 ngày 16/11/2018) (có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: số 6, đường L, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Theo văn bản ủy quyền số 99 ngày 31/7/2017) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Phạm Đức A (có mặt)
2. Ông Nguyễn Quốc T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
3. Bà Vũ Thị Hội D (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thị T1 (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 6, đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Ông Trần Minh H, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bà Trần Ngọc, sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 107/2 đường P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh

- Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1965 (đã chết ngày 28/9/2017 theo giấy chứng tử số 73 ngày 29/9/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Ngọc S:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1965 (có mặt)
2. Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
3. Ông Trần Minh H, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
4. Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 107/2 đường P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí

Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị H và những người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 19/01/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND (sau đây gọi là *Quyết định số 568*) về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ không điều kiện phần cấu trúc công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng, diện tích tầng 1 là: 57.60m², diện tích tầng lửng: 37.90m² và yêu cầu giao trả đất cho Nhà nước khi có yêu cầu đối với bà H, do bà H đã có hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên đất có nguồn gốc lấn chiếm đất công vào năm 1992 và 1996 tại nhà số 107/2 P, Phường 19, quận B.

Không đồng ý với Quyết định số 568, bà H tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2730/QĐ-UBND (sau đây gọi là *Quyết định số 2730*) trong đó: “*Điều chỉnh Điều 1 quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 của Chủ tịch UBND quận B, và các nội dung khác của quyết định được giữ nguyên*”.

Người khởi kiện nêu các quyết định này đều không khách quan khi cho rằng ông Trần Văn Đá (ba chồng bà) lấn chiếm đất công theo công văn số 234/TCV ngày 22/7/1996 của Thảo Cầm Viên Sài Gòn xác nhận. Bởi vì, quá trình sử dụng đất của ông Trần Văn Đá là ổn định, lâu dài từ trước năm 1945, khi đó ông Đá là cảnh vệ của Sở bông cũ (nay là Thảo Cầm Viên) nên việc Sở bông cũ (nay là Thảo Cầm Viên) cấp đất cho ông Đá là thực tế đã xảy ra. Việc Thảo Cầm Viên không lưu trữ, không tìm thấy văn bản nào của Ban giám đốc trước đây cấp đất cho ông Đá không có nghĩa là ông Đá có hành vi lấn chiếm đất. Ông Đá đã ở đó từ năm 1945 đến nay và thực hiện đầy đủ thủ tục kê khai, đăng ký nhà đất theo quy định của pháp luật vào năm 1977 và năm 1999. Sau đó, ông Đá cho chồng bà là ông Trần Ngọc S phân diện tích nhà đất nói trên. Vợ chồng bà đã sửa chữa và xây dựng thêm để ở cho đến nay, có xin cấp sổ nhà; việc xây dựng vợ chồng bà thừa nhận là tự xây không có xin phép. Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, ngày 14/5/2010 bà H làm đơn khởi kiện chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, yêu cầu Tòa án nhân dân quận B huỷ hai quyết định trên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ban hành hai quyết định: Quyết định số 568 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt, nội dung quyết định có ghi buộc tháo dỡ không điều kiện và yêu cầu giao trả phần đất diện tích 57,60m² cho Nhà nước khi có yêu cầu đối với bà H, do bà đã có hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên đất có nguồn gốc lấn chiếm đất công vào năm 1992 và 1996 tại nhà số 107/2 P, Phường 19, quận B và Quyết định số 2730, trong phần giải quyết khiếu nại này phía Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 568, không còn yêu cầu bà Lê Thị H giao trả lại phần đất đã bị lấn chiếm, vì phần đất này do ông Trần Văn Đá (ba chồng của bà H) đứng tên kê khai.

Cả hai quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành là đúng về hình thức và nội dung của văn bản, đảm bảo trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông Sơn - ông Trần Hoàng Minh trình bày: Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện người bị kiện nói đất ông Trần Văn Đá lấn chiếm là không đúng, mà là của Sở bông cũ (nay là Thảo Cầm Viên) cấp cho ông Đá trước năm 1945 và ông Đá đã sử dụng từ đó cho đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và hủy Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 15/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện - bà Lê Thị H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 002698 ngày 27/5/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 12/10/2020, bà Lê Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 và yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 568 và Quyết định số 2730.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận B và yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 568 và Quyết định số 2730.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị H, vì các quyết định hành chính bị kiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hình thức*: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị H làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính*:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì vụ án có quan hệ tranh chấp “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai và quản lý đô thị*” mà cụ thể người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 568 và Quyết định số 2730.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội. Tuy nhiên về quan hệ tranh chấp lại xác định là “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng*” là không đúng quan hệ tranh chấp, cần rút kinh nghiệm.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Về việc xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Do các đương sự trên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] *Về nội dung*: Đối với yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 568 và Quyết định số 2730 là đúng thẩm quyền theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

- Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

Phần nhà đất tại số 107/2 P, Phường 19, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Thị H có nguồn gốc đất thuộc bằng khoán lô 47, tờ bản đồ số 7 của Trung tâm Thị Nghè (tài liệu trước năm 1975) do Quốc gia Việt Nam đứng bộ thuộc đất công do Nhà nước quản lý. Sau năm 1975 toàn bộ khu đất này do Nhà nước thống nhất quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng mà do những người dân tự chiếm và sử dụng trong đó có gia đình của bà H. Hiện tại vị trí căn nhà của bà H thuộc thửa 20 tờ bản đồ 30-BĐĐC thuộc một phần cụm chức năng khu dân cư hiện hữu cải tạo và một phần đường dự phóng theo quy hoạch chi tiết liên phường 19, 21 được duyệt tại Quyết định 69/KTS.QH ngày 03/01/2003 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố; đồng thời nằm hoàn toàn trong hành lang rạch Văn Thánh theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hiện chưa có dự án triển khai thực hiện.

Vào năm 2006, sau khi phát hiện hành vi xây dựng không phép của bà H, Ủy ban nhân dân quận B lập biên bản xử lý vi phạm hành chính vào ngày 16/10/2006 và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, vì đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không áp dụng hình thức phạt tiền hay cảnh cáo đối với bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 4 Điều 6 Nghị định 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ và Điều 55, Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/01/2007.

Sau khi nhận được quyết định trên bà H tiếp tục khiếu nại. Ngày 15/4/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2730 xác định việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 568 áp dụng khoản 4 Điều 10 Nghị định 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử lý hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà H là chưa chính xác vì bà H không phải là người lấn chiếm đất, nên đã điều chỉnh Điều 1 của Quyết định 568, riêng các phần khác của Quyết định số 568 được giữ nguyên. Không đồng ý với việc giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B bà H tiếp tục khởi kiện tại tòa án.

Xét nội dung của Quyết định số 568 và Quyết định số 2730 là chưa phù hợp với quy định pháp luật vì:

Tại Điều 1 của Quyết định số 568 có nội dung: “1/ Buộc phá dỡ không điều kiện khi có yêu cầu triển khai dự án theo quy hoạch được duyệt phần cấu trúc công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng; 2/ Buộc giao trả đất cho Nhà nước khi có yêu cầu, diện tích 57,60m² quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 126/2004/NĐ-CP và khoản 4 Điều 10 Nghị định 182/2004/NĐ-CP”.

Cũng theo Điều 1 của Quyết định số 2730 có nội dung điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 568: “Buộc phá dỡ không điều kiện khi Nhà nước có yêu cầu triển khai thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt phần cấu trúc công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng trên đất có nguồn gốc lấn chiếm đất công căn cứ khoản 3 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ; 2/ Các nội dung khác của Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 được giữ nguyên”.

Đối chiếu các quy định pháp luật và các căn cứ pháp luật mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B áp dụng để xử phạt hành vi vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại thì không thấy được căn cứ nào buộc bà H phải tháo dỡ nhà không điều kiện khi Nhà nước có yêu cầu triển khai thực hiện dự án mà không xem xét nguồn gốc quá trình sử dụng và xây dựng nhà của bà H. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nhà bà H được xây dựng khoảng năm 1992 đến 1996, như vậy bà H đã xây dựng nhà trước thời điểm công bố quy hoạch theo Quyết định số 69/KTS.QH ngày 03/01/2003 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố và cho đến thời điểm Ủy ban nhân dân quận B lập

biên bản xử phạt hành chính ngày 16/10/2006 thì trước đó gia đình bà H cũng chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi xây dựng không phép hoặc bất cứ hành vi vi phạm nào khác.

Như vậy, trường hợp vi phạm xây dựng không phép của gia đình bà H phải áp dụng theo Điều 121 Luật Xây dựng năm 2003 và điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định: *“Đối với trường hợp toàn bộ công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng thì được xử lý như sau:*

b) Trường hợp chưa thực hiện quy hoạch xây dựng thì được phép tồn tại theo hiện trạng. Nếu chủ công trình có nhu cầu thì được sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong nhưng không được làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình. Trường hợp sửa chữa, nâng cấp, cải tạo mà theo quy định phải xin cấp phép xây dựng thì chủ công trình phải xin cấp phép xây dựng tạm có thời hạn. Khi thực hiện quy hoạch xây dựng, chủ công trình phải tự thực hiện phá dỡ theo quy định của Luật Xây dựng”.

Đối chiếu quy định trên thì nhà của bà H được phép tồn tại không phải tháo dỡ cho đến khi Nhà nước tổ chức thực hiện quy hoạch thì gia đình bà H phải chấp hành theo quy định pháp luật và được hưởng các chế độ bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật. Cho đến thời điểm hiện tại Nhà nước cũng chưa thực hiện quy hoạch theo Quyết định số 69/KTS.QH ngày 03/01/2003 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố và Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09/06/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định 568 và Quyết định số 2730 là chưa phù hợp quy định pháp luật, cần hủy bỏ.

Do đó, bà H kháng cáo cho rằng Quyết định số 568 và Quyết định số 2730 là chưa đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: *“Bà H xây nhà là vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng trên đất công bị lấn chiếm thì trong trường hợp bị thu hồi không bồi thường”* mà không xem xét quá trình sử dụng và xây dựng nhà của bà H cũng như các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi bị thu hồi đất tại thời điểm xác định hành vi vi phạm của bà H và các quy định pháp luật về xây nhà không phép, không phù hợp quy hoạch mà bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H là không có căn cứ và chưa phù hợp với quy định pháp luật nên cần sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đối với các phần khác của quyết định không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nhận định trên nên không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B.

[5]. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009, do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Lê Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 220, Điều 225, khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H, sửa toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 1668/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về hủy Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và hủy Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 15/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 002698 ngày 27/5/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2019/0088621 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Phượng

Mai Thị Thanh Tú

Lê Thu Thủy